

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-06-2023.

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Quang Hoạch.**

2. Ông **Tạ Văn Đài.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 1 năm 2023 về việc: “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số A, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Danh Thạch S, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số A, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Danh Thạch S tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Thạch S.

- Về con chung: Có **01** con chung là cháu **Danh Gia P**, sinh ngày **13/10/2015**. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tạm thời bà không

yêu cầu ông Danh Thạch S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Danh Thạch S vắng mặt, theo bản tự khai ngày 29/3/2023 ông Trình bày:

Ông và bà Trần Thị Hồng N tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2015. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà N đã sống ly thân từ ngày 04/12/2022 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là cháu **Danh Gia P**, sinh ngày **13/10/2015**. Hiện nay cháu P đang sống cùng với bà N, bà N đã ngăn cản ông thăm nuôi, không cho ông gặp con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, tạm thời ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng N. Cho bà N được ly hôn với ông Danh Thạch S.

Về con chung: Bà N và ông S có 01 con chung là cháu Danh Gia P, sinh ngày 13/10/2015. Giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông S sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà N, ông S khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông S đã được Tòa án tổng đạt, miêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N và ông Danh Thạch S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/7/2015 và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà N xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Thạch S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà N cương quyết ly hôn với ông S; ông S không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông S có 01 con chung là cháu Danh Gia P, sinh ngày 13/10/2015. Cả bà N và ông S đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Quá trình giải quyết vụ án, bà N nộp cho Tòa án các phiếu lương thể hiện bà đang làm việc tại công ty Pou Sung Việt Nam với mức lương khoảng 11.000.000 đồng/tháng để chứng minh điều kiện nuôi con. Ông S trình bày đang làm lái xe tự nhân, tuy nhiên không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của cháu P, thể hiện cháu P có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Danh Gia P cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Danh Thạch S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà N, ông S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N, ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Danh Thạch S.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Gia P, sinh ngày 13/10/2015 cho bà Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Danh Thạch S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Danh Thạch S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà N, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N, ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số **0002270 ngày 05/01/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng N, ông Danh Thạch S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND H. Trảng Bom;
 - THADS huyện Trảng Bom;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai
- (Giấy CNKH số 103 ngày 27/7/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa